

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo Bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư chủ động VND (VNDAF)**

2. Số Giấy phép:

3. Loại hình: **Quỹ mở**

4. Ngày đăng ký với UBCKNN:

5. Thời hạn hiệu lực: Thông cáo nội dung sau:

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản Cáo Bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày .../.../.....

6. Họ tên, chức danh và địa chỉ của những người phụ trách thông tin.

1/ Họ và tên : Vũ Hiền - Chức vụ : Chủ tịch Công ty

2/ Họ và tên: Đỗ Thanh Hương - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

3/ Họ và tên : Trần Thị Minh Phương - Chức vụ : Kế toán trưởng

Địa chỉ: Công Ty TNHH một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA - số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 – 39410 510; Fax: 024 – 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

7. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

Công Ty TNHH một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA

Trụ sở chính: số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 – 39410 510 ; Fax: 024 – 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH NÀY	5
1. Công Ty TNHH một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA (IPAAM)	5
2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	6
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	11
1. Nhận định vĩ mô	11
2. Nhận định thị trường chứng khoán.....	17
IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	20
1. Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ	20
2. Tình hình hoạt động của IPAAM	21
3. Đội ngũ nhân sự chủ chốt.....	21
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	23
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	23
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	23
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	24
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ.....	25
1. Thông tin chung về Quỹ.....	25
1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	25
1.2. Giấy đăng ký phát hành: sẽ cập nhật sau.....	25
1.3. Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: sẽ cập nhật sau	25
1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ:.....	25
1.5. Ban Đại Diện Quỹ dự kiến:	25
1.6. Người Điều Hành Quỹ	26
2. Điều lệ Quỹ	27
3. Mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ	27
3.1. Mục tiêu đầu tư.....	27
3.2. Chiến lược đầu tư	27
3.3. Tài sản được phép đầu tư:	28
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	29
5. Các hạn mức đầu tư theo luật định:.....	29
6. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	32

7. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	32
8. Vòng quay danh mục.....	38
9. Lợi nhuận tham chiếu	38
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	38
1. Căn cứ pháp lý.....	38
2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)	40
2.1. Địa điểm phát hành.....	41
2.2. Đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu	41
2.3. Phân phối Chứng Chỉ Quỹ	42
2.4. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành.....	42
3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo	43
3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ	43
3.2. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ.....	45
3.3. Giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ	46
3.4. Giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ	47
3.5. Chương trình Đầu Tư Định Kỳ	48
3.6. Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	48
3.7. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)	50
3.8. Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài	50
4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch	51
4.1. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng.....	51
4.2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng.....	52
4.3. Công bố tình hình giao dịch	53
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	53
1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)	53
2. Giá dịch vụ, lệ phí và thưởng hoạt động	53
2.1. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả	53
2.2. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả	55
3. Các chỉ tiêu hoạt động	57
3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	58
3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ	59
4. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	59
5. Chính sách thuế:	60
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	60

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	60
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	61
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	61
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	62
XV. CAM KẾT	62
XVI PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	62
PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	63
PHỤ LỤC 2: MẪU GIẤY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỎ.....	65
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ VNDAF	66
PHỤ LỤC 4: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ	67
PHỤ LỤC 5: SỔ TAY ĐỊNH GIÁ	86
PHỤ LỤC 6: HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ.....	91

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH NÀY

1. Công Ty TNHH một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA (IPAAM)

1/ Họ và tên : VŨ HIỀN - Chức vụ : Chủ tịch Công ty

2/ Họ và tên: ĐỖ THANH HƯƠNG - Chức vụ: Tổng giám đốc

3/ Họ và tên : TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - Chức vụ : Kế toán trưởng

Giấy phép số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 – 39410 510

Fax: 024 – 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)

Người đại diện: Bà LÊ MỸ LINH

Chức vụ: Phó giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 8996/QĐ-BIDV ngày 7/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số : 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 1/8/2006 do UBCKNN cấp.

Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký số 19/GCNTVLK-CN-3 đăng ký lần đầu ngày 30/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2014

Điện thoại: 024 - 39411840

Fax: 024 - 39411847

Website: <http://www.bidv.com.vn>

Ngân hàng Giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do ngân hàng cung cấp

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF), trách nhiệm của BIDV Hà Thành được quy định theo pháp luật có liên quan và trong các Hợp đồng cung cấp dịch vụ có liên quan giữa BIDV Hà Thành với IPAAM – Công ty quản lý quỹ của Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF). Với nội dung bản cáo bạch này, chúng tôi tin rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do IPAAM nghiên cứu đánh giá cùng với các bên khác có trách nhiệm theo quy định.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản Cáo Bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Quỹ”	Là Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF) hoạt động theo cơ chế Quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.
“Công ty quản lý quỹ”	Nghĩa là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Chủ động VND, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng giám sát”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành) nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày

12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2014; cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các Hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.

“Công ty Kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Đại lý chuyển nhượng”	Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Đại lý phân phối”	Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Điều lệ/Điều lệ Quỹ”	Là Điều lệ Quỹ Đầu tư chủ động VND đã được đăng ký với Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư

bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. /Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là khoản tiền phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/ Giá dịch vụ mua lại”	Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ này.
“Chi phí ngầm”	Là các khoản phí được thể hiện là không phải thanh toán trực tiếp bằng tiền, mà đã được tính gộp chung với các chi phí hợp lệ khác.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31

tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và các ngày khác mà Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.
Điểm nhận lệnh	Là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư.
Tổ chức cung cấp báo giá	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, các hệ thống báo giá trái phiếu được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch
Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	<p>Là ngân hàng lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số các hoạt động như sau:</p> <p>a) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. <p>b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:</p>

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở.
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Nhận định vĩ mô

a. Kinh tế thế giới

Sau 5 năm mắc kẹt trong bẫy tăng trưởng thấp với tốc độ tăng GDP hàng năm (tính theo ngang giá sức mua - PPP) chỉ đạt quanh 3%/năm (thấp hơn 0,75% so với giai đoạn trước khủng hoảng 2008), chúng tôi đã bắt đầu nhận thấy những tín hiệu cất cánh đối với tăng trưởng toàn cầu trong hai năm tới. Theo dự báo của nhiều tổ chức nghiên cứu uy tín, tăng trưởng toàn cầu năm 2017 được dự báo cải thiện 0,3 đến 0,5 điểm phần trăm so với năm 2016 với hai đầu kéo chính là (1) kinh tế Mỹ tăng trưởng khả quan và (2) sự phục hồi mạnh của nhóm nước xuất khẩu dầu sau cú sốc giá hàng hóa (đặc biệt là Brazil, Nga).

Năm 2017 cũng sẽ đánh dấu những thay đổi căn bản trong định hướng chính sách kinh tế tại nhiều quốc gia: (1) FED thắt chặt dần chính sách tiền tệ thông qua động thái nâng lãi suất điều hành, (2) ECB và PBOC có thể thu hẹp dần quy mô nới lỏng định lượng, (3) chính sách tài khóa mở rộng được sử dụng kết hợp với chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng và (4) làn sóng bảo hộ thương mại gia tăng.

Trong năm 2017, cùng với sự cải thiện trong tăng trưởng, rủi ro và mức độ không chắc chắn cũng sẽ gia tăng trên thị trường tài chính toàn cầu do (1) những biến động chính trị tại Châu Âu, (2) thay đổi Chính quyền tại Mỹ và (3) lãi suất và đồng USD tăng.

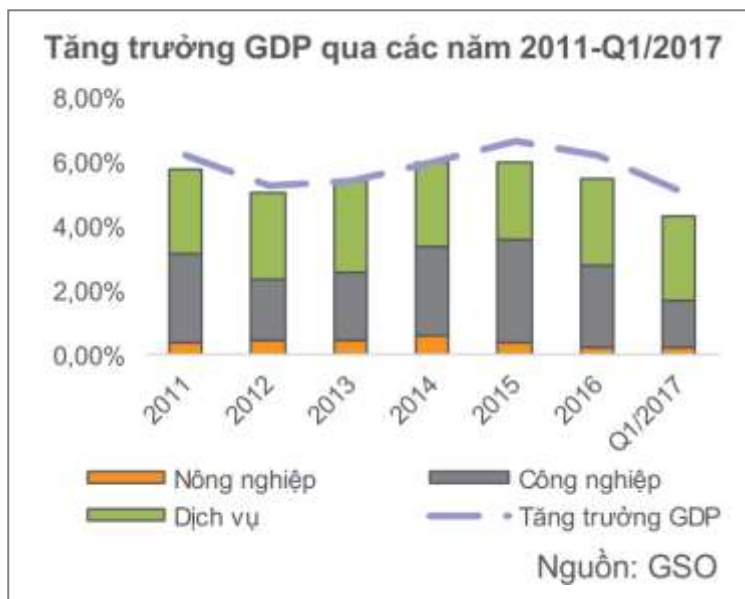
Tổng quan, chúng tôi nhận thấy năm 2017 là một năm nhiều biến động nhưng cũng đầy hứa hẹn cho nền kinh tế thế giới. Trong các kênh đầu tư, chúng tôi lạc quan với triển vọng của đồng USD và thị trường cổ phiếu, không lạc quan với triển vọng giá vàng và thị trường trái phiếu.

b. Kinh tế Việt Nam

GDP

Tăng trưởng kinh tế Q1/2017 chỉ đạt 5,1%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Sự suy giảm của ngành khai khoáng tiếp tục là nguyên nhân chính tác động tiêu cực đến mức tăng trưởng chung. Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), sản lượng ngành khai khoáng chỉ bằng khoảng 90% cùng kỳ năm 2016 và đã làm giảm 0,76% mức tăng trưởng chung. Với tỷ trọng chiếm khoảng 10% GDP và là nhóm ngành có tỷ trọng lớn thứ hai trong

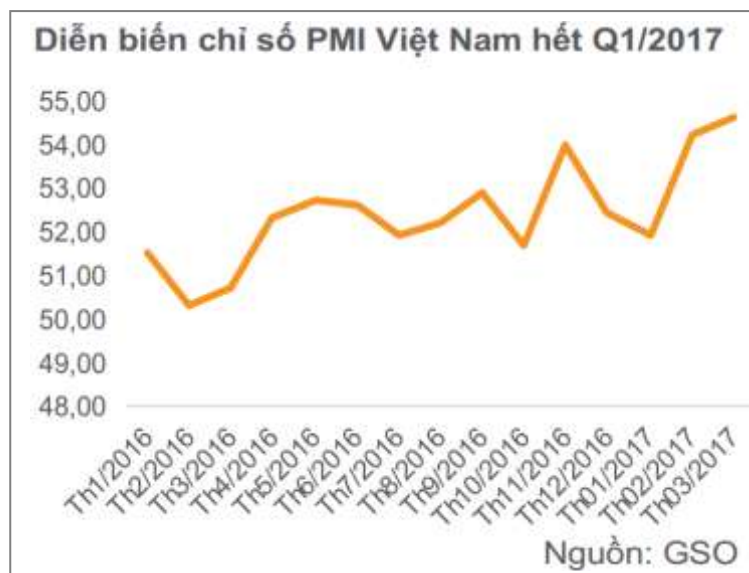
ngành công nghiệp (sau nhóm chế biến, chế tạo), suy giảm của ngành khai khoáng đã kéo



theo tăng trưởng của cả nhóm ngành công nghiệp chỉ đạt 3,85% trong Quý 1. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm.

Trong nhóm ngành công nghiệp, ngoài sự suy giảm của ngành khai khoáng, 3 tháng đầu năm 2017 cũng ghi nhận sự tăng trưởng chậm lại của nhóm ngành công nghiệp chế biến,

chế tạo với mức tăng 8,3%. Sự sụt giảm sản lượng của nhóm mặt hàng điện tử đã khiến cho tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo bị ảnh hưởng. (Nguyên nhân do sự chững lại của Samsung. Năm 2016, Samsung chiếm 22,7% xuất khẩu của Việt Nam, tức khoảng 40 tỷ USD. Sản xuất sản phẩm điện tử tăng trưởng âm 1% trong khi đó Quý 1/2016 là hơn 11%). Tăng trưởng chậm lại của ngành chế biến, chế tạo là điểm đáng lưu ý vì đây là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế từ phía cung trong mấy năm vừa qua.



Theo chúng tôi, sự sụt giảm tăng trưởng của nhóm ngành chế biến, chế tạo trong quý vừa qua chỉ là tạm thời, với dòng vốn FDI đã và đang tăng trưởng mạnh mẽ thì nhóm ngành này sẽ sớm lấy lại được đà tăng trưởng. Triển vọng phục hồi trở lại của ngành này hoàn toàn có cơ sở khi chỉ số PMI của Việt Nam đang cho thấy những kết quả rất đáng khích lệ.

Trong tháng 3, PMI của Việt Nam đạt 54,6 điểm.

Ngoài 2 yếu tố tiêu cực vừa mang tính “bất thường” vừa mang tính “xu thế” trên, kinh tế Việt Nam quý đầu tiên năm 2017 tiếp tục ghi nhận sự mở rộng nhanh của ngành dịch vụ và sự

phục hồi của nhóm ngành nông nghiệp. Ngành dịch vụ tăng trưởng 6,52%; đóng góp 2,65% vào mức tăng trưởng chung. Như vậy, nhóm ngành này đang dần trở lại là ngành đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của nền kinh tế từ phía cung. Bên cạnh ngành dịch vụ, sau năm 2016 đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề bởi các yếu tố thời tiết, nhóm ngành nông nghiệp đã cho thấy sự phục hồi trở lại với mức tăng trưởng 2,03%.

Tóm lại, nhìn từ phía cung, mặc dù xuất hiện yếu tố “bất thường” tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên các yếu tố cơ bản khác tiếp tục cho thấy nền kinh tế vẫn đang trong chu kỳ đi lên; rủi ro đảo chiều tăng trưởng chưa xuất hiện.

Về phía cầu, trong khi tiêu dùng vẫn chưa có sự tăng trưởng mạnh mẽ thì tổng cầu của nền kinh tế vẫn phụ thuộc chủ yếu vào đầu tư. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong Quý 1 tăng 8,6%, thấp hơn mức tăng cùng kỳ (tăng 10,9%) chủ yếu do tăng trưởng chậm của khu vực Nhà nước (tăng 4,9% thấp hơn mức 5,9% cùng kỳ) và sự chững lại của khu vực FDI (tăng 6,2% so với cùng kỳ 12,8%). Khu vực ngoài Nhà nước tiếp tục cho thấy tăng trưởng khả quan với mức tăng đạt 13,8%.

Đầu tư của khu vực Nhà nước tăng thấp một phần do các vướng mắc về thủ tục hành chính. Hiện tại, chúng tôi thấy có nhiều yếu tố thuận lợi hỗ trợ cho sự gia tăng đầu tư từ khu vực Nhà nước, bao gồm *(i) tình hình thu ngân sách và phát hành trái phiếu khả quan; (ii) nguồn lực tăng thêm có được từ cổ phần hóa và thoái vốn của Nhà nước*. Bên cạnh khu vực Nhà nước, đầu tư trong thời gian tới của khu vực FDI cũng sẽ có nhiều triển vọng tích cực khi vốn FDI đăng ký tăng mạnh (tăng 77%) trong quý đầu năm. Cuối cùng, theo chúng tôi, ***đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước sẽ là động lực chính của đầu tư toàn xã hội trong thời gian tới khi số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng trưởng mạnh mẽ trong 2 năm gần đây. Nhìn chung, hoạt động đầu tư vẫn được hỗ trợ bởi triển vọng kinh tế khả quan, kinh tế vĩ mô ổn định.***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 3 tháng đầu năm tăng 9,2% (loại trừ yếu tố giá tăng 6,2%) so với cùng kỳ năm trước. Tiêu dùng của dân cư vẫn chưa cho thấy sự bứt phá một cách rõ nét. Đây là điều hoàn toàn dễ hiểu khi thu nhập của dân cư đã bị suy giảm mạnh trong những năm khủng hoảng vừa qua, cho dù gần đây thu nhập của người dân đã được cải thiện phần nào khi việc làm gia tăng, thị trường tài sản phục hồi nhưng sẽ cần một độ trễ nhất định để thúc đẩy chi tiêu trong dân chúng.

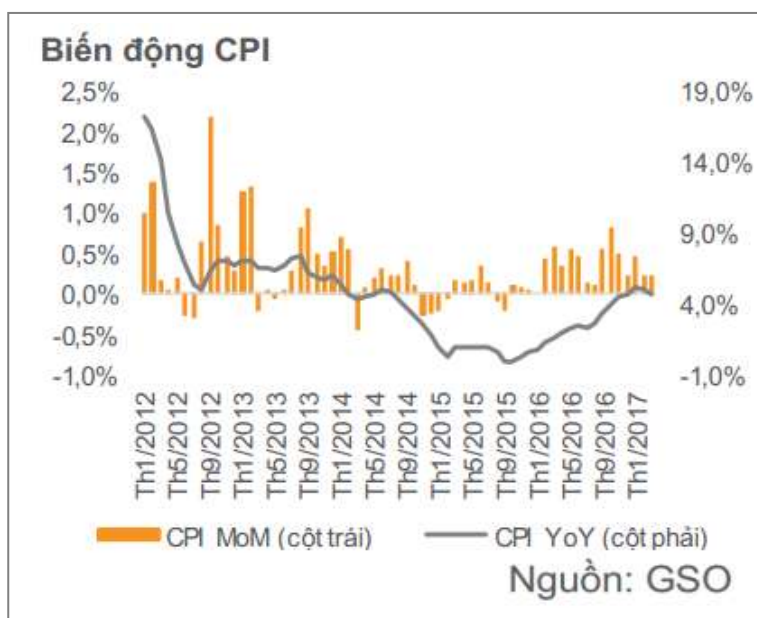
Ngoài nguyên nhân vừa đề cập, việc điều chỉnh giá các mặt hàng thiết yếu như y tế, giáo dục, điện, nước trong thời gian qua cũng khiến cho tiêu dùng của dân cư bị ảnh hưởng. Khi giá các hàng hóa thiết yếu tăng lên, chi tiêu cho các hàng hóa dịch vụ thông thường khác của người dân sẽ giảm đi (hiệu ứng thay thế).

Với triển vọng việc làm và thu nhập tiếp tục gia tăng, cùng với quá trình điều chỉnh giá các hàng hóa dịch vụ thiết yếu đang đi vào giai đoạn cuối thì tiêu dùng của dân cư trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ tăng trưởng với mức độ mạnh hơn thời gian qua.

Tựu chung lại, từ phía cung, kinh tế Việt Nam chịu tác động tiêu cực từ một vài yếu tố vừa mang tính “bất thường” đồng thời cũng là “xu thế” trong những năm tới, đó là sự sụt giảm ngắn hạn của nhóm ngành chế biến, chế tạo và xu thế suy giảm của ngành khai khoáng. Các yếu tố tiêu cực trên đã tác động khá mạnh đến kết quả tăng trưởng chung. Tuy nhiên, những yếu tố đó không làm đảo ngược được xu hướng phục hồi của kinh tế Việt Nam. Từ phía cầu, đầu tư và tiêu dùng vẫn trong xu hướng đi lên (đặc biệt là đầu tư).

Về dự báo tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2017, ở kịch bản thận trọng, tăng trưởng GDP khoảng 6,46%; kịch bản tích cực, GDP tăng 6,67%.

Lạm phát



CPI tháng 3/2017 tăng 4,65% so với cùng kỳ; lạm phát cơ bản tháng 3/2017 không đổi so với tháng trước và tăng 1,60% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tháng 3/2017, có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng. Cụ thể, nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 7,51% (dịch vụ y tế

tăng 9,86%) do trong tháng có 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, làm CPI chung tăng khoảng 0,38%. Nhóm giáo dục tăng 0,75% (dịch vụ giáo dục tăng 0,87%); nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,5% (giá vật liệu xây dựng tăng 0,53%; giá nước sinh hoạt tăng 0,43%; giá điện sinh hoạt tăng 0,26%).

Tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán cao nhưng lạm phát cơ bản vẫn đứng ở mức thấp cho thấy tổng cầu yếu. Đây là nguyên nhân chính khiến cho lạm phát cơ bản vẫn duy trì ở mức thấp. Bên cạnh nguyên nhân chính trên, cũng không thể không nhắc đến thành tích điều hành chính sách tiền tệ khá tốt của NHNN trong vài năm qua, đặc biệt là phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa.

CPI những tháng còn lại của năm 2017 vẫn sẽ chủ yếu bị tác động bởi điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục. Lạm phát cơ bản sẽ chưa thể tăng mạnh do tổng cầu vẫn đang cải thiện chậm. Một yếu tố mới xuất hiện gần đây có thể tác động đến CPI đó là diễn biến của giá dầu. Các dự báo gần đây đều cho thấy giá dầu khó có thể tăng mạnh, thậm chí, giá dầu gần đây có xu hướng giảm nhẹ; do đó, ảnh hưởng tiêu cực từ giá dầu đối với CPI trong những tháng cuối năm sẽ không nhiều. Theo chúng tôi, CPI tháng 12 năm 2017 sẽ tăng khoảng 5% - 5.5% so với cùng kỳ.

Chính sách tài khoá

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2017 ước tính đạt 216,7 nghìn tỷ đồng, bằng 17,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa 175,5 nghìn tỷ đồng, bằng 17,7%; thu từ dầu thô 9 nghìn tỷ đồng, bằng 23,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 32,2 nghìn tỷ đồng, bằng 17,9%.

Thu ngân sách đang đạt được những kết quả tích cực, chủ yếu đến từ các khoản thu nội địa. Các khoản thu nội địa tăng trưởng tốt là hệ quả tất yếu khi hoạt động của doanh nghiệp đã qua giai đoạn khó khăn, bước vào chu kỳ tăng trưởng mới. Bên cạnh nguyên nhân chính trên, kết quả thu ngân sách khả quan còn do những nỗ lực của Chính phủ trong việc chống thất thu, gian lận thuế. Theo quan điểm của chúng tôi, thu ngân sách trong các quý còn lại của năm 2017 sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt. Đây sẽ là nhân tố rất quan trọng hỗ trợ cho tình hình tài khóa của Việt Nam trong bối cảnh áp lực chi tiêu nhiều, nợ công lớn.

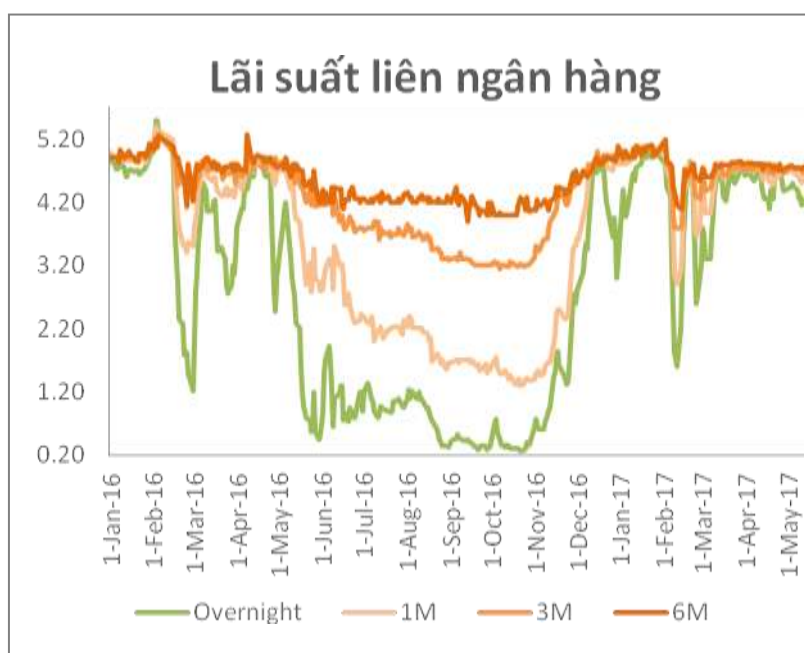
Về chi ngân sách, cơ cấu chi tiêu ngân sách vẫn tiếp tục mất cân đối, với chi thường xuyên chiếm tỷ trọng áp đảo. Gánh nặng nợ công lớn, với áp lực trả lãi và gốc tăng cao, tuy nhiên, bối cảnh hiện tại Chính phủ đã “dễ thở” hơn thời gian trước nhờ thu ngân sách tiến triển tốt, phát hành TPCP thuận lợi và nguồn thu từ quá trình thoái vốn, cổ phần hóa DNNN.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2017 ước tính đạt 229,1 nghìn tỷ đồng, bằng 16,5% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển 32,6 nghìn tỷ đồng, bằng 9,1%; chi thường xuyên 173,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19,3%; chi trả nợ lãi 23 nghìn tỷ đồng,

bằng 23,2%. Chi trả nợ gốc từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2017 ước tính đạt 38,4 nghìn tỷ đồng, bằng 23,4% dự toán năm.

Với tình hình thu ngân sách khả quan trong Quý 1 và cả năm 2017, cùng với phát hành TPCP thuận lợi và nguồn lực bổ sung từ một số thương vụ thoái vốn, cổ phần hóa DNNN trong năm nay thì theo chúng tôi Chính phủ sẽ gia tăng đầu tư công trong thời gian còn lại của năm 2017. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi tăng trưởng kinh tế trong quý đầu năm thấp hơn kỳ vọng.

Chính sách tiền tệ



Chính sách tiền tệ vẫn được nói lỏng trong quý đầu năm 2017 và sẽ tiếp tục nói lỏng trong phần lớn năm 2017. Các thay đổi chính sách (nếu có) nhiều khả năng sẽ được thực hiện tại quý cuối năm khi áp lực lạm phát tăng cao và tăng trưởng kinh tế tốt hơn. Tuy nhiên, không có thay đổi lớn, đột biến trong điều hành chính

sách tiền tệ của NHNN. Các lãi suất trên thị trường tiền tệ về tổng thể đang trong thời kỳ ổn định.

Tăng trưởng tín dụng ghi nhận tốc độ tăng mạnh nhất trong nhiều năm. Theo NHNN, đến ngày 23/03/2017 tín dụng tăng 3,14% so với cuối năm 2016 (tăng trưởng tín dụng Quý 1 các năm 2013, 2015 và 2016 lần lượt chỉ đạt 0,03%; 1,26% và 1,54%; các năm 2012, 2014 tăng trưởng tín dụng Quý 1 so với cùng kỳ ở mức âm nhẹ); tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dư nợ tín dụng đối với những lĩnh vực này chiếm khoảng 80%. Tổng phương tiện thanh toán tính đến 23/03 tăng 3,36%, còn huy động vốn tăng 3,07% so với cuối năm 2016. Tăng trưởng tín dụng cao (và đã vượt tăng trưởng huy động) sẽ tạo áp lực lên thanh khoản của hệ thống ngân hàng.

Mặt bằng các lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cao hơn cùng kỳ năm 2016 ngoài lý do ở trên còn đến từ sự chủ động điều hành của NHNN. Nếu để lãi suất liên ngân hàng ở mức quá thấp sẽ tạo điều kiện cho việc đầu cơ tỷ giá (như đã từng diễn ra tại một số thời điểm trong năm 2016) gây nên những xáo trộn trên thị trường tiền tệ.

Lãi suất huy động trên thị trường khá ổn định, cho dù có một số ngân hàng phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn kỳ hạn trung và dài hạn với lãi suất khá cao để đáp ứng tỷ lệ vốn ngắn hạn được cho vay trung và dài hạn theo Thông tư 36 (tăng từ 50% lên 60%), khoảng từ 8-9%. Lãi suất huy động phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%- 5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4%-7,2%/năm.

Thị trường ngoại hối khá bình lặng trong quý đầu năm cho dù đối mặt với các áp lực đến từ FED nâng lãi suất. Điểm đặc biệt trên thị trường ngoại hối trong thời gian qua đó là sự biến động ngược chiều nhau giữa tỷ giá trung tâm và các tỷ giá thị trường (bao gồm tỷ giá của các ngân hàng thương mại và tỷ giá thị trường tự do). Đây là động thái điều hành có chủ đích của NHNN nhằm tác động đến tâm lý thị trường, và cho đến thời điểm này, cách điều hành trên cho thấy khá hiệu quả.

Tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định trong thời gian còn lại của năm 2017 nhờ ổn định kinh tế vĩ mô đã được củng cố và dòng vốn đổ vào Việt Nam nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt. Có một số áp lực sẽ tác động đến biến động của tỷ giá như thâm hụt thương mại gia tăng, FED nâng lãi suất...; tuy nhiên, các áp lực này tác động không lớn và khó có khả năng gây ra những cú sốc lớn trên thị trường ngoại hối.

2. Nhận định thị trường chứng khoán

Các doanh nghiệp lớn sẽ tiếp tục gia nhập thị trường

Cuối năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 58/2016/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2010. Theo quyết định này:

- Số DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ (103 doanh nghiệp)
- Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ (4 doanh nghiệp)
- Cổ phần hóa, Nhà nước giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ (27 doanh nghiệp)

- Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ (106 doanh nghiệp)

Như vậy, từ nay đến năm 2020 sẽ có thêm ít nhất 137 DNNN được cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước, trong số đó có nhiều doanh nghiệp có vị thế lớn trong ngành và đang làm ăn hiệu quả và đây sẽ là những cơ hội tiềm tàng cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia.

Trong số những doanh nghiệp trên, không thể không nhắc đến 39 doanh nghiệp trực thuộc UBND TP.HCM sẽ tiến hành cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước trong thời gian tới với những tên tuổi lớn như Satra, Saigontourist, SJC, Samco, Sawaco, Benthanh Group,...

Những doanh nghiệp này chắc chắn sẽ thu hút sự quan tâm lớn của giới đầu tư một khi cổ phần hóa. Số doanh nghiệp này cộng thêm một số DNNN thuộc các bộ ngành, địa phương khác như PV Oil, PV Power, Lọc hóa dầu Bình Sơn, TCT Xi măng Việt Nam, TCT Sông Đà, TCT Thương mại Hà Nội (Hapro), Mobiphone,... nếu được cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước theo đúng chủ trương của Chính phủ, sẽ tạo ra làn sóng cổ phần hóa mới và tiếp thêm động lực tăng trưởng cho TTCK Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung trong các năm tiếp theo.

Danh sách các DNNN tiêu biểu sẽ được cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước về dưới 50% vốn điều lệ.

Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Doanh thu 2016 (tỷ đồng)	Lợi nhuận 2016 (tỷ đồng)
TCT Thương mại Sài Gòn (Satra)	7.305	55.266	11.100
Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC)	1.400	10.357*	25,5*
TCT Bến Thành	Na	19.847	1.221
TCT Du lịch Sài Gòn (Saigontourist)	6.131	2.850*	546*
TCT Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (Samco)	1.796	26.800	2.043
TCT Thương mại Hà Nội (Hapro)	Na	5.000	44
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Na	26.522	1.595
TCT Dầu Việt Nam (PV Oil)	Na	34.000	530
TCT Lọc hóa dầu Bình Sơn	Na	75.184	5.007
TCT Xi măng Việt Nam	13.000	35.000**	2000**
TCT Sông Đà	Na	9.599***	300***
TCT Viễn Thông Mobifone	Na	16.247*	2.511*

*KQKD 6 tháng đầu năm 2016

** KHKD năm 2017

*** KQKD 9 tháng đầu năm 2016

Nguồn: VNDIRECT tổng hợp

Đồng thời, nhiều doanh nghiệp sẽ lên niêm yết trên thị trường chứng khoán trong thời gian tới, trong đó có những tên tuổi lớn như Petrolimex, VEAM, VCSC, VPB,... Thông tin một số doanh nghiệp có kế hoạch niêm yết cổ phiếu trong năm 2017.

Tên doanh nghiệp	Thời điểm dự kiến niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Doanh thu 2016 (tỷ đồng)	LNST 2016 (tỷ đồng)
TCT Thăng Long	2017	419,08	2.143	66
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	T4/2017	12.938	123.097	5.165
TCT Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM)	2017	13.288	5.893*	625*
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	2017	9.181	29.197	3.935
CTCP Thực phẩm đông lạnh Kido (Kido Foods - KDF)	2017	560	1.397	143
CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)	Q3/2017	1.032	894	338

Nguồn: VNDIRECT tổng hợp

Quy mô lớn hơn sẽ thay đổi lại cuộc chơi trên thị trường

Lượng dồi dào dẫn đến sự thay đổi về chất: Thị trường chứng kiến sự tăng trưởng mạnh cả về số lượng cổ phiếu và giá trị vốn hóa sẽ đem đến những động lực tăng trưởng mới cho thị trường.

- *Thực đơn đa dạng hơn:* Với hàng loạt cổ phiếu lớn vừa niêm yết như Habeco, ACV, Sabeco, Vietnam Airlines... thị trường chứng khoán Việt Nam được bổ sung thêm những lựa chọn chất lượng cao, những câu chuyện mới nhằm đáp ứng khẩu vị đầu tư đa dạng của các NĐT trong và ngoài nước.
- *Sức hấp dẫn lớn hơn với nhà đầu tư nước ngoài:* Vốn hóa thị trường lớn hơn sẽ gia tăng cơ hội để TTCK Việt Nam được nâng hạng lên “thị trường mới nổi” hay lọt vào tầm ngắm của các quỹ đầu tư ngoại tầm cỡ.
- *Phân bổ lại dòng tiền của thị trường:* Do nhiều mã mới niêm yết có quy mô vốn hóa rất lớn, lọt vào top 20 thậm chí top 10 vốn hóa trên sàn niêm yết như Sabeco, ACV, Vietnam Airlines, Habeco... sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chiến lược, cơ cấu danh mục đầu tư của nhiều NĐT trong thời gian tới, đặc biệt là đối với các quỹ đầu tư theo chỉ số (ETF).
- *Định giá lại thị trường từ hệ quả của “các hàng hóa thay thế” xuất hiện:* Khi mà nhiều doanh nghiệp mới với quy mô lớn niêm yết, vị thế về mặt quy mô của các cổ phiếu hiện hữu trên thị trường sẽ bị thay đổi. Do vậy mức định giá của các cổ phiếu hiện có (đặc biệt là các Bluechips) có thể bị ảnh hưởng khi nhà đầu tư hoàn toàn có nhiều lựa chọn thay thế.

IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên công ty: Công Ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA

Tên tiếng Anh: IPA Securities Investment Fund Management Limited Company

Tên viết tắt: IPAAM

Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 – 39410 510

Fax: 024 – 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

Vốn điều lệ: Năm mươi tỷ (50.000.000.000) đồng.

IPAAM được thành lập từ năm 2008, và là công ty con 100% vốn của tập đoàn đầu tư IPA cho đến đầu tháng 1/2017 thì IPAAM được Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VNDIRECT) mua và trở thành công ty 100% sở hữu bởi VNDIRECT. IPAAM trong những năm qua tập trung cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đa dạng cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức và đang có kế hoạch phát triển mạng dịch vụ quản lý quỹ đại chúng bắt đầu từ năm 2017.

Giới thiệu về VNDIRECT

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT thành lập từ năm 2006 với cổ đông sáng lập là Tập đoàn đầu tư IPA, Công ty hoạt động theo Giấy phép số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16/11/2006 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp với đầy đủ nghiệp vụ kinh doanh của một Công ty chứng khoán. Tính đến hết năm 2016, sau 10 năm thành lập và phát triển, VNDIRECT đã khẳng định được sự thành công của mình ở vị trí TOP 5 các công ty chứng khoán với vốn chủ sở hữu 1.950 tỷ đồng, tổng tài sản quản lý đạt 5.172 tỷ đồng, công ty đứng thứ 2 về thị phần môi giới tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đứng thứ 4 tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Việc IPAAM trở thành Công ty con 100% vốn của Công ty chứng khoán VNDIRECT sẽ cho phép IPAAM có thêm sự đầu tư và hợp tác từ công ty mẹ để phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng của các nhà đầu tư cá nhân lẫn tổ chức.

2. Tình hình hoạt động của IPAAM

Công ty thành lập tháng 3/2008, trong những năm đầu tiên sau khi thành lập IPAAM chủ yếu tập trung quản lý đầu tư cho Tập đoàn IPA và các công ty con của Tập đoàn. Với vốn điều lệ 50 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên gọn nhẹ có chuyên môn sâu, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trong suốt 9 năm hoạt động vừa qua Công ty đã luôn đảm bảo có kết quả lợi nhuận tốt và ổn định qua từng năm trong bối cảnh các công ty quản lý quỹ trên thị trường đều gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh khiến nhiều công ty thậm chí thua lỗ, làm mất vốn chủ sở hữu.

Công ty IPAAM hiện đang cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho một số khách hàng là các định chế tài chính, kết quả đầu tư của các danh mục trong những năm qua đều ổn định, đạt mức kỳ vọng của khách hàng và một số danh mục đã được chia thưởng từ khách hàng.

Kết quả lợi nhuận các năm kể từ ngày thành lập của IPAAM như sau:

Đ/v: tỷ đồng	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng doanh thu	3,39	1,75	15,35	5,37	15,05	13,19	17,25	15,65	14,67
LNTT	0,31	0,17	0,44	0,17	7,5	2,26	10,16	7,67	5,99
Vốn điều lệ	50	50	50	50	50	50	50	50	50

3. Đội ngũ nhân sự chủ chốt

Vũ Hiền – Chủ tịch

Ông Hiền là một doanh nhân thành đạt, nhà quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư giàu kinh nghiệm với 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư nhân.

Ông Hiền là thành viên sáng lập của nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, dịch vụ tài chính, vận tải và dịch vụ hậu cần. Ông Hiền cũng là thành viên Hội đồng Quản Trị (HDQT) của một số công ty có uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và du lịch.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư hàng hải – Đại học Hàng Hải Việt Nam.

Đỗ Thanh Hương – Tổng Giám đốc

Bà Hương có hơn 20 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quản lý cao cấp tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, bao gồm Trưởng Đại diện của Tập đoàn bảo hiểm AXA (Pháp), Trưởng Ban quản lý nghiệp vụ của Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI), Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Phân tích và Tư vấn đầu tư Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

Sau khi gia nhập IPA Group vào cuối năm 2008, bà là thành viên HĐQT của VNDirect, sau đó trở thành CEO của IPAAM vào năm 2009. Dưới sự lãnh đạo của bà, tài sản quản lý của công ty tăng trưởng mạnh và IPAAM bắt đầu cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho các khách hàng bên ngoài IPA Group.

Bà có bằng đại học về Kinh tế đầu tư và là Thạc sĩ QTKD của Trường Solvay Business School – Vương quốc Bỉ.

Nguyễn Hồ Nga – Phó Tổng giám đốc

Bà Nga có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính đầu tư. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng giữ vị trí phân tích đầu tư tại Công ty Chứng khoán BIDV, quản lý tài chính tại Tập đoàn British Petroleum, phụ trách xúc tiến đầu tư tại Cục Đầu tư nước ngoài, MPI, Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital, Giám đốc Huy động quỹ và phát triển kinh doanh tại PVFC Capital. Bà Nga đã huy động thành công và quản lý 2 quỹ đầu tư với quy mô 10 triệu USD. Bà còn chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư cho Vietnam Investment Platform (VIP LLC).

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính, Trường Đại học Bristol, UK và Cử nhân Tài chính Kế toán, Trường Đại học New South Wales, Úc.

Cao Minh Hoàng – Giám đốc Đầu tư, CFA

Ông Hoàng có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính và kiểm toán, trong đó có 2 năm làm việc tại Ernst & Young, 2 năm làm việc tại VNDIRECT và Vingroup.

Gia nhập IPAAM từ năm 2012, Ông Hoàng đã kinh qua vị trí Trưởng bộ phận phân tích đầu tư và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư tại IPAAM.

Ông Hoàng tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân và đã vượt qua kỳ thi CFA Level 3.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ 10 ngày 20/5/2015.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-HĐLKCK do UBCKNN cấp ngày 1/08/2006.

Trụ sở chính: Số 74, Phố Thọ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84-24-3941-1840 ; Fax: +84-24-3941-1847

Website: www.bidv.com.vn

Hợp đồng dịch vụ lưu ký – giám sát được đính kèm tại phụ lục của Bản cáo bạch này.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công Ty Quản Lý Quỹ IPA sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để lựa chọn một công ty kiểm toán cho Quỹ, nhằm đảm bảo tính chính xác của các số liệu báo cáo cho Nhà Đầu Tư trong năm tài chính. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT (VNDIRECT)

Giấy phép hoạt động: 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39724568

Chi nhánh Hồ chí Minh: Tòa nhà The 90th Pasteur , số 90 Pasteur, Quận 1, TP Hồ chí Minh

Điện thoại: 028-3914-6925 ; Fax: 028-3914-6924

Website: www.vndirect.com.vn

Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở được đính kèm tại phụ lục của Bản cáo bạch này.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền cho dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Trung tâm lưu ký Chứng Khoán Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Quyết định thành lập số 189/2005/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 27/07/2005.

Lĩnh vực hoạt động chính: đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ việc giao dịch mua, bán chứng khoán.

Hợp đồng đại lý chuyển nhượng được đính kèm tại phụ lục của Bản cáo bạch này.

2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ 10 ngày 20/5/2015

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-HĐLKCK do UBCKNN cấp ngày 1/08/2006.

Trụ sở chính: Số 74, Phố Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84-243-941-1840; Fax: +84-243-941-1847

Website: www.bidv.com.vn

Hợp đồng dịch vụ quản trị quỹ được đính kèm tại phụ lục của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND
- Tên viết tắt: VNDAF
- Tên tiếng Anh: VND ACTIVE FUND
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA
 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội
 Điện thoại: 024-3941-0510 ; Fax: 024-3941-0500

1.2. Giấy đăng ký phát hành: sẽ cập nhật sau

1.3. Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: sẽ cập nhật sau

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ:

VNDAF là quỹ đầu tư đại chúng dạng mở, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư vào ngày giao dịch. Quỹ không giới hạn thời hạn hoạt động.

1.5. Ban Đại Diện Quỹ dự kiến:

Ban đại diện quỹ gồm 4 thành viên trong đó có 3 thành viên độc lập như sau:

Bà Nguyễn Ngọc Thanh – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Bà Thanh hiện là Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Khóa kéo Hoàn Mỹ.

Bà Thanh có nhiều năm kinh nghiệm làm quản lý trong lĩnh vực tài chính, đầu tư. Bà đã từng có thời gian dài làm việc cho PWC và IBM tại Mỹ và làm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT (từ năm 2005 đến năm 2009). Bà Thanh tốt nghiệp Đại học American University (Mỹ) và là Thạc sĩ Tài chính Doanh Nghiệp của trường Johns Hopkins (Mỹ).

Ông Vương Văn Tường – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Ông Tường hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển BĐS Thế kỷ.

Ông Tường là luật sư đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính. Ông Tường đã từng là Giám đốc Pháp chế tại Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT từ năm 2006 đến năm 2009. Ông Tường tốt nghiệp Đại học Luật Hà nội.

Bà Lưu Thị Việt Hoa – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Bà Hoa hiện là Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE).

Bà Hoa đã có kinh nghiệm nhiều năm làm Kế toán và Kế toán trưởng tại Kho bạc nhà nước, Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt nam. Bà tốt nghiệp trường Đại học Tài chính kế toán và có bằng Kế toán trưởng do Trường Đại học Tài chính kế toán cấp.

Bà Đỗ Thanh Hương – Thành viên Ban đại diện quỹ

Bà Hương hiện đang làm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA.

Bà Hương có nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tài chính và đầu tư, chứng khoán. Bà đã từng là Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Phân tích của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn SSI. Bà gia nhập IPAAM và làm TGD từ năm 2009 đến nay.

Bà có bằng đại học về Kinh tế đầu tư và là Thạc sĩ QTKD của Trường Solvay Business School – Vương quốc Bỉ.

1.6. Người Điều Hành Quỹ

Ông Cao Minh Hoàng - Giám đốc đầu tư IPAAM

Ông Hoàng có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính và kiểm toán, trong đó có 2 năm làm việc tại Ernst & Young, 2 năm làm việc tại VNDIRECT và Vingroup.

Gia nhập IPAAM từ năm 2012, Ông Hoàng đã kinh qua vị trí Trưởng bộ phận phân tích đầu tư và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư tại IPAAM.

Ông Hoàng đã có kinh nghiệm trực tiếp quản lý các danh mục đầu tư cho khách hàng với tổng giá trị các danh mục đạt trên 300 tỷ, kết quả đầu tư đạt lợi nhuận trung bình 17% - 20%/năm.

Ông Hoàng tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân và đã vượt qua kỳ thi CFA Level 3.

Ông Phạm Cao Đức – Chuyên viên đầu tư cao cấp

Ông Đức có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành chứng khoán. Ông Đức đã từng kinh qua các vị trí làm phân tích và đầu tư tại Vina Securities, Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh HSC, Quỹ đầu tư Jaccar trước khi gia nhập Công ty Quản lý quỹ IPAAM năm 2011. Tại IPAAM, Ông Đức đã đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng phân tích, phụ trách đầu tư và quản lý danh mục đầu tư.

Ông Đức tốt nghiệp Đại học Ngoại thương, là Thạc sĩ QTKD trường Đại học Quốc gia Singapore và có chứng chỉ CFA Level 2.

2. Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ được đính kèm trong Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch này. Để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ quỹ VNDAF. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa về nội dung giữa Bản cáo Bạch và Điều lệ quỹ thì sẽ vận dụng nội dung của Điều lệ quỹ.

Trường hợp Nhà đầu tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu kỹ càng các thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định thích hợp.

3. Mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

3.1. Mục tiêu đầu tư

Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF) hướng đến việc tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư, tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định đồng thời tuân thủ kỷ luật đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ đã công bố. Trong điều kiện thị trường chứng khoán có những biến động khó lường, Quỹ xác định đầu tư vào những cổ phiếu niêm yết có yếu tố cơ bản thuận lợi, những công ty có sự tăng trưởng lợi nhuận và doanh thu nổi bật, kết hợp với sự cải thiện giao dịch trong thanh khoản và diễn biến giá.

3.2. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ VNDAF được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa yếu tố cơ bản và lựa chọn thời điểm phân bổ tỷ trọng cổ phiếu trong quá trình đầu tư. Thay cho việc đầu tư dàn trải vào một danh mục quá đa dạng các mã chứng khoán, Quỹ tập trung vào một danh mục bao gồm số lượng vừa phải các cổ phiếu đạt tiêu chí đầu tư. Quỹ hạn chế giải ngân, giảm tỷ

trọng trong giai đoạn dự báo thị trường chung giảm điểm hoặc dùng các công cụ phái sinh hỗ trợ, và sẽ tích cực phân bổ trở lại khi kỳ vọng thị trường phục hồi. Yếu tố chủ đạo giúp Quỹ có kỳ vọng lợi nhuận tốt hơn thị trường sẽ là việc lựa chọn được cổ phiếu của công ty có tiềm năng tăng trưởng hoạt động kinh doanh tốt, định giá hấp dẫn kết hợp với việc phản ứng linh hoạt, điều chỉnh tỷ trọng đầu tư trong giai đoạn thị trường biến động mạnh.

Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm.

3.3. Tài sản được phép đầu tư:

Pháp luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau, tuy nhiên Quỹ sẽ xem xét cơ hội và sự phù hợp để quyết định lựa chọn loại tài sản đầu tư:

a. Tài sản có thu nhập cố định:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

b. Cổ phiếu:

- Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, phát hành của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam.
- Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

c. Công cụ phái sinh:

Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

d. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Các khoản đầu tư của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành theo pháp luật Việt Nam. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành phải được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch..

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Phương pháp đầu tư được lựa chọn là phương pháp kết hợp chặt chẽ giữa phân tích cơ bản và lựa chọn thời điểm phân bổ tỷ trọng cổ phiếu.

Việc lựa chọn cổ phiếu được dựa trên phân tích tài chính doanh nghiệp và đánh giá chất lượng quản trị của công ty. Với kinh nghiệm đầu tư cùng sự hỗ trợ của đội ngũ phân tích giàu kinh nghiệm của IPAAM, những cổ phiếu được quỹ VNDAF lựa chọn sẽ đáp ứng được một số tiêu chí như sau:

- Năng lực quản trị doanh nghiệp tốt, ban lãnh đạo tâm huyết với sự phát triển của công ty, hoạt động minh bạch.
- Tình hình tài chính doanh nghiệp lành mạnh, khả năng chiếm lĩnh thị phần tốt so với các đối thủ cùng ngành.
- Tự chủ về nguồn vốn tài trợ kinh doanh, khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng.
- Định giá hấp dẫn, có tỷ lệ chiết khấu cao so với giá trị có thể đạt được trong tương lai.

Trên cơ sở danh mục cổ phiếu được lựa chọn, hoạt động giải ngân đầu tư sẽ được cân nhắc thời điểm thực hiện để đảm bảo tối ưu hóa lợi ích, rủi ro và thích ứng tốt nhất với những biến động của thị trường chứng khoán.

5. Các hạn mức đầu tư theo luật định:

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm các quy định sau:

- a. Trữ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- b. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau đây nếu các tài sản này được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo quy định của tại Sổ tay định giá:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- d. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) hoặc quá mười lăm phần trăm (15%) (trong trường hợp quỹ chỉ số, quỹ hoán đổi danh mục) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- e. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức

niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ;
- h. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- i. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

5.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 5.1 Mục này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ;
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

5.3. Trong trường hợp xảy ra các sai lệch so với hạn chế đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 5.1 Mục này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

5.4. Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5.5. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản.

6. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác;
- Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính Phủ.

7. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào Quỹ VNDAF cũng bao hàm những rủi ro. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của họ để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công Ty Quản Lý Quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- Việc đầu tư vào Quỹ VNDAF sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một Ngân Hàng Giám Sát hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà Đầu Tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ, hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ VNDAF, IPAAM, Chủ tịch IPAAM, Ban Điều Hành và nhân viên IPAAM không có bất cứ sự đảm bảo nào đối với đầu tư ban đầu của Nhà Đầu Tư, cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ.

- Quỹ VNDAF nhằm vào mục tiêu đầu tư tạo lợi nhuận và tăng trưởng tài sản ròng cho Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, các Nhà Đầu Tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- Quỹ VNDAF không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc của Ban Đại Diện Quỹ tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối. Các Nhà Đầu Tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc như trong thời gian dự kiến.
- Tên gọi của Quỹ VNDAF không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai.
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của IPAAM, không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ VNDAF.
- IPAAM không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và chủ sở hữu, Chủ tịch IPAAM, ban điều hành và nhân viên của IPAAM không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của IPAAM trong quá trình quản lý Quỹ này.
- Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ mở nên Nhà Đầu Tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại chứng chỉ Quỹ VNDAF. Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ VNDAF.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ:

- Rủi ro thị trường: Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ tham gia có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường, có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường, rủi ro về tỷ giá.
- Rủi ro lạm phát: Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá

trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao; hoặc ngược lại. Lạm phát có mức độ ảnh hưởng gián tiếp hơn đối với cổ phiếu vì doanh nghiệp có thể chuyển phần chi phí gia tăng do lạm phát sang cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt đầu tư, khiến tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào cổ phiếu khi đầu tư vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.

- **Rủi ro lãi suất:** Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu. Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên, vào kỳ vọng lạm phát; những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.
- **Rủi ro tỷ giá:** Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự biến động tỷ giá. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ gặp rủi ro tỷ giá khi mà các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ. Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được Quỹ giám sát thông qua việc phân tích kỹ lưỡng các nguồn doanh thu & các khoản công nợ của các công ty đó. Ở khía cạnh khác, Quỹ sẽ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài mua chứng chỉ Quỹ VNDAF bằng

đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quỹ là đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu Tư nước ngoài vì vậy sẽ phải tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

- Rủi ro biến động giá thị trường: Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư của Quỹ. Quỹ đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên sẽ thường có mức biến động thấp hơn so với thị trường. Ngoài ra, Quỹ cũng hướng tới việc tạo lập, tích lũy và gia tăng các biên độ an toàn về giá vốn đầu tư qua thời gian dài nhằm giữ danh mục để làm giảm ảnh hưởng và phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.
- Rủi ro pháp lý: Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ để thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp.
- Rủi ro về chiến lược đầu tư: Rủi ro phát sinh trực tiếp từ chiến lược đầu tư của Quỹ khi lựa chọn cách tiếp cận đầu tư chủ động, giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của Quỹ và của Nhà Đầu Tư vào chứng chỉ Quỹ VNDAF nếu trên thị trường các nhà đầu tư khác không nhận ra được giá trị của các công ty này, hay các yếu tố cơ bản mà Quỹ kỳ vọng cũng không giúp giá cổ phiếu tăng về được giá trị thực mà Quỹ đánh giá. Quỹ xác định sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững trong các ngành nghề khác nhau. Ngoài ra, Quỹ cũng đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều cổ phiếu có quy mô vốn hóa thị trường khác nhau. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro của Quỹ cũng có thể bị hạn chế bởi số lượng cổ phiếu có thể đầu tư được tại một thời điểm.
- Rủi ro hạn chế đầu tư: Do tính chất của Quỹ mở chỉ cho phép đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch, sự chậm trễ trong tiến độ cổ phần hóa và niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt sẽ làm giảm tính đa dạng và đại diện, hạn chế cơ hội tiếp cận và đầu tư được của Quỹ vào các doanh nghiệp tốt nhất trên mọi ngành nghề và mức vốn hóa. Đối

với thị trường trái phiếu của Việt Nam thì hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng, đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

- **Rủi ro tái đầu tư:** Đây là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu khi dòng tiền từ trái tức được tái đầu tư với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường tại thời điểm mua trái phiếu. Rủi ro này xảy ra khi mức lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Việc quản trị rủi ro tái đầu tư sẽ được Quỹ thực hiện qua công tác theo dõi chặt chẽ kỳ vọng lãi suất trên thị trường, thể hiện trên đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.
- **Rủi ro định giá:** Đây là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters; đây là lãi suất tham khảo, tùy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.
- **Rủi ro thanh toán:** Đây là rủi ro khi Quỹ giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quỹ sau khi Quỹ đã thanh toán tiền mua. Đối với cổ phiếu, rủi ro này thường chỉ liên quan đến những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết. Tuy nhiên, Quỹ mở sẽ chỉ giao dịch các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; ngoài ra, giao dịch mua bán được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của pháp luật, để đảm bảo các số dư chứng khoán và số dư tiền của các bên liên quan đảm bảo đủ và đúng luật. Đối với trái phiếu và các loại chứng khoán nợ, rủi ro này thường liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro, Quỹ có thể đầu tư vào các loại Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có), cho tới khi Việt Nam

hình thành các tổ chức tài chính trung gian có uy tín chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm, Quỹ có thể áp dụng các kỹ thuật thống kê, hệ thống nội bộ, và tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian sẵn có để ra các quyết định đầu tư hợp lý giảm thiểu rủi ro.

- Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ VNDAF được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa phát triển, nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng.
- Rủi ro thanh khoản: Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà Đầu Tư trong một ngày giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do NAV của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán/lệnh chuyển đổi vượt quá mức rút vốn tối đa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu Tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ Quỹ VNDAF trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản Cáo Bạch này. Khi việc thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho Nhà Đầu Tư. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp ở các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.
- Rủi ro hoạt động quản lý Quỹ: Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của IPAAM đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này, hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của IPAAM nghỉ việc.
- Rủi ro xung đột lợi ích: Công Ty Quản Lý Quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công Ty Quản Lý Quỹ điều hành. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ

phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Chinese wall) nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

- Rủi ro bất khả kháng: Đây là các rủi ro khi các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao gồm những sự kiện như:
 - ✓ Thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt), hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
 - ✓ Môi trường kinh doanh như khủng hoảng tài chính, hệ thống ngân hàng, hoặc các lãnh đạo chủ chốt doanh nghiệp mất khả năng điều hành;
 - ✓ Khủng hoảng, trục trặc hệ thống thông tin, máy tính.

8. Vòng quay danh mục

Quỹ phải trả các loại giá dịch vụ như giá dịch vụ môi giới khi tiến hành mua bán cổ phiếu. Tuy nhiên với mục tiêu đầu tư tận dụng tốt các cơ hội ngắn hạn, vòng quay danh mục của quỹ có thể sẽ cao hơn các quỹ có chiến lược mua và nắm giữ. Quỹ kỳ vọng lợi nhuận thu được từ việc mua bán cổ phiếu ngắn hạn sẽ hiệu quả hơn nhiều mức chi phí bỏ ra, bên cạnh đó công ty quản lý quỹ cũng cố gắng tối đa trong việc đàm phán với các bên liên quan để được hưởng chi phí giao dịch thấp nhất.

9. Lợi nhuận tham chiếu

Quỹ tính toán hiệu quả đầu tư (Investment Performance) đối với từng khoản mua chứng chỉ quỹ VNDAF của nhà đầu tư. Công thức được tính bằng:

$$IP = (\text{NAV thời điểm mua} - \text{NAV thời điểm bán}) / \text{NAV thời điểm mua}$$

Hiệu quả đầu tư được tính bằng tỷ lệ phần trăm và thể hiện lợi ích của khách hàng khi đầu tư vào chứng chỉ quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VNDAF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
- Nghị định số 42/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 5/5/2015 về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 19/1/2016 hướng dẫn một số điều Nghị định số 42/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 5/5/2015 về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16/3/2017 sửa đổi một số điều Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/1/2016 hướng dẫn Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 5/5/2015 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;

- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư chủ động VND
- Tên viết tắt: VNDAF
- Loại hình quỹ: Quỹ đại chúng dạng mở
- Nhà Đầu Tư của Quỹ: Nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước
- Thời hạn hoạt động: Không giới hạn
- Vốn Điều Lệ dự kiến huy động tối thiểu: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam
- Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/Đơn Vị Quỹ
- Giá dịch vụ Phát Hành: 1% tương đương 100 đồng (một trăm đồng)/Đơn Vị Quỹ
- Giá Phát Hành (bao gồm giá dịch vụ Phát Hành): 10.100 (mười nghìn một trăm) đồng/Đơn Vị Quỹ
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu lần đầu: 1.010.000 (một triệu mười nghìn) đồng
- Ngày phát hành: Sẽ được ghi rõ trong bản thông báo phát hành sau khi Quỹ VNDAF được cấp phép phát hành ra công chúng.
- Thời hạn phát hành lần đầu: Tối thiểu hai mươi (20) ngày và tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng có hiệu lực.
- Thời gian gia hạn phát hành: Sẽ được UBCK xem xét gia hạn nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

2.1. Địa điểm phát hành

Chứng Chỉ Quỹ VNDAF được phát hành lần đầu thông qua Đại Lý Phân Phối là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Danh sách, địa chỉ các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư có thể đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu được liệt kê ở Phụ lục của Bản Cáo Bạch này.

2.2. Đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu

- Số tiền mua tối thiểu: 1.010.000 (một triệu mười nghìn) đồng.
- Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở bằng cách nộp “Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” và các hồ sơ liên quan, và nộp “Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở” (theo mẫu ở Phụ Lục của Bản Cáo Bạch này) trực tiếp cho Đại Lý Phân Phối được chỉ định.
- Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Chứng Chỉ Quỹ bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát bằng đồng Việt Nam. Nhà Đầu Tư có thể thực hiện chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư, từ tài khoản chứng khoán của Nhà Đầu Tư tại Đại Lý Phân Phối hoặc từ tài khoản ngân hàng của người được ủy quyền hợp lệ. Phí chuyển tiền do Nhà Đầu Tư trả. Thông tin về tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát sẽ được cung cấp bởi Đại Lý Phân Phối.
- Thời hạn thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện trước ngày kết thúc đợt phát hành.
- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối theo công thức sau:

$$\text{Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua}}{\text{Giá phát hành}}$$
 Số lượng Chứng Chỉ Quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Trường hợp số tiền chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị mua tối thiểu, việc đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ lần đầu cũng coi như không hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả lại Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi Quỹ kết thúc thời gian huy động vốn. Phí chuyển tiền phát sinh được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Trong trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác với số tiền ghi trên phiếu lệnh mua, nhưng không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn Vị Quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.

2.3. Phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Chứng Chỉ Quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành Chứng Chỉ Quỹ và tuân thủ pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

- Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ vượt quá số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng Chứng Chỉ Quỹ theo như số tiền đã đăng ký và thực góp;
- Xác nhận sở hữu Chứng Chỉ Quỹ sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực.
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng, hoặc có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư đồng thời thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh có liên quan đến việc huy động vốn trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đợt phát hành bị huỷ bỏ.
- Chứng Chỉ Quỹ sẽ không niêm yết giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán. Nhà Đầu Tư có thể giao dịch Chứng Chỉ Quỹ các lần tiếp theo tại các Đại Lý Phân Phối chỉ định sau khi Công Ty Quản Lý Quỹ được cấp Giấy Chứng Nhận Thành Lập Quỹ.

2.4. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

- Tổ chức phát hành: Quỹ Đầu Tư chủ động VND
- Đại diện phát hành: Công Ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư IPA
- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành
- Hệ thống Đại Lý Phân Phối: Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
- Công ty kiểm toán dự kiến: Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam hoặc Công ty Kiểm toán Deloitte.

Chi tiết về địa chỉ các Điểm Nhận Lệnh của các Đại Lý Phân Phối được nêu chi tiết tại Phụ lục của Bản Cáo Bạch này.

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo

3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

a. Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ:

- Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
- Ngày giao dịch: Chứng chỉ Quỹ VNDAF được giao dịch 1 lần/tuần vào ngày thứ năm hàng tuần (Ngày T)
- Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác. Nếu ngày làm việc gần nhất rơi vào 1 ngày trước ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo thì Ngày giao dịch sẽ lấy luôn là ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về ngày giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo bạch, thông báo cho ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b. Phương thức giao dịch

- Nhà Đầu Tư đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối (lưu ý: Nhà Đầu Tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ VNDAF phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối).
- Nhà Đầu Tư có thể đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của Nhà Đầu Tư tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà Đầu Tư có thể nộp các phiếu lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ cho tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

- Ủy quyền giao dịch: Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, và phải điền thông tin người được ủy quyền vào “Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở”. Người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà Đầu Tư đăng ký lại người được ủy quyền tại Đại Lý Phân Phối.
- Danh sách các Đại Lý Phân Phối chỉ định và các Điểm Nhận Lệnh được liệt kê tại Phụ lục của Bản Cáo Bạch này.

c. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

- Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh: 10h30 sáng ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (ngày T-1).

d. Giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- Giá Bán 1 Đơn Vị Quỹ (giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ)
 $\text{Giá Bán} = \text{Giá Trị Tài Sản Ròng trên 1 Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ} + \text{Giá dịch vụ Phát Hành}$
- Giá Mua Lại 1 Đơn Vị Quỹ (giá Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư)
 $\text{Giá Mua Lại} = \text{Giá Trị Tài Sản Ròng trên 1 Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ} - \text{Giá dịch vụ Mua Lại}$
- Giá Trị Tài Sản Ròng của 1 Đơn Vị Quỹ sẽ được xác định định kỳ vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Giá Trị Tài Sản Ròng của 1 Đơn Vị Quỹ và giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Định Giá.
- Giá dịch vụ Phát Hành, giá dịch vụ Mua Lại và giá dịch vụ Chuyển Đổi Chứng Chỉ Quỹ được quy định cụ thể trong mục giá dịch vụ và lệ phí dưới đây.

e. Thời hạn xác nhận giao dịch

Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, Đại Lý Chuyển Nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư vào sổ chính và Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản xác nhận giao dịch.

f. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư

Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, tiền bán Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thanh toán trực tiếp vào tài khoản của Nhà Đầu Tư.

g. Hủy lệnh giao dịch

- Lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chỉ được hủy trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Nhà Đầu Tư thực hiện hủy lệnh tại Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký giao dịch.
- Trong trường hợp Nhà Đầu Tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

h. Duy trì tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- Số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản là 100 Đơn Vị Quỹ.
- Khi tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư có số dư bằng không (0) và không phát sinh giao dịch nào trong vòng một (01) năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tự động khóa tài khoản của Nhà Đầu Tư. Khi có nhu cầu giao dịch trở lại, Nhà Đầu Tư có thể kích hoạt lại tài khoản và cập nhật những thông tin mới trên tài khoản cho Đại Lý Phân Phối.

3.2. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Giá trị mua tối thiểu một lần giao dịch: 1.000.000 (một triệu) đồng.
- Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ có thể được chuyển từ tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư, tài khoản chứng khoán của Nhà Đầu Tư tại Đại Lý Phân Phối hoặc từ tài khoản ngân hàng của người được ủy quyền hợp lệ. Phí chuyển tiền do Nhà Đầu Tư trả.
- Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác số tiền ghi trên Lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn Vị Quỹ được phân phối căn cứ trên số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.
- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

Số lượng CCQ được phân phối = Số tiền đăng ký mua (1- Giá dịch vụ phát hành (%))/NAV một Đơn Vị Quỹ tại ngày giao dịch và có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

CÁC TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH MUA KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- ✓ lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sở Lệnh
- ✓ Nhà Đầu Tư/người được ủy quyền hợp lệ thanh toán tiền mua Chứng Chỉ Quỹ nhưng không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại Lý Phân Phối.
- ✓ Đến 17:00 giờ ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, (Ngày T-1) Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu Tư.
- ✓ Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định.
- ✓ Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ sẽ được chuyển ngược vào tài khoản chuyển đến. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

3.3. Giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ

- Nhà Đầu Tư đặt bán bằng số lượng Đơn Vị Quỹ muốn bán.
- Số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu 1 lần giao dịch bán: 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ.
- Số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được được tính theo công thức sau:

Giá trị bán = Số lượng CCQ được mua lại x NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch x (1- Giá dịch vụ mua lại (%))

Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá Trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có)

- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ này.
- Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục “Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” của Bản Cáo Bạch này.

- Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần thì quy định về số lượng tối thiểu của mỗi lần giao dịch và số dư tối thiểu duy trì tài khoản không áp dụng.
- Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà Đầu Tư đăng ký tại “Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” chậm nhất là ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ này.

CÁC TRƯỜNG HỢP BÁN KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- ✓ Lệnh bán được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- ✓ Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu.

3.4. Giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ

Nhà Đầu Tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa các quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ IPA quản lý.

- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi không thấp hơn một trăm (100) chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sau khi chuyển đổi thấp hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản thì số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ quỹ mục tiêu.
- Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng Chỉ Quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.
- Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu.
- Nhà Đầu Tư thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi mà không phải thanh toán giá dịch vụ Phát Hành và giá dịch vụ Mua lại trên số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại mục giá dịch vụ và Lệ Phí dưới đây.
- Nhà Đầu Tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng một (01) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu.

- Lưu ý: lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại mục 3.6 dưới đây.

CÁC TRƯỜNG HỢP CHUYỂN ĐỔI KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- ✓ Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- ✓ Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu.

3.5. Chương trình Đầu Tư Định Kỳ

Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ là chương trình đầu tư có hệ thống trong một khoảng thời gian, theo đó Nhà Đầu Tư sẽ thanh toán một khoản đầu tư nhất định định kỳ (ví dụ hàng tháng hoặc hàng quý) để mua Chứng Chỉ Quỹ. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ phổ biến ở các quốc gia có lĩnh vực quỹ mở phát triển và thu hút được sự tham gia của nhiều Nhà Đầu Tư do những lợi ích mà chương trình đầu tư này có thể mang lại cho Nhà Đầu Tư.

Công ty quản lý quỹ sẽ công bố chương trình đầu tư định kỳ vào thời điểm sau khi quỹ đi vào hoạt động.

3.6. Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

3.6.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:

- a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; hoặc
- b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới:

Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư cho đến khi Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

- Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn một số đơn vị quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ (nếu có); hoặc
- Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có),

c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:

- Tính thanh khoản của thị trường thấp;
- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

3.6.2. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở mục 3.6.1 trên, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ.

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

Xi : số lượng Chứng Chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư được thực hiện (hay số lượng Chứng Chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$SLDKi$: số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán.

$SLTT$: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư.

$\sum SLDKi$: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới.
- Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần quy định về số dư Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.

3.6.3. Chứng Chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.

Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu Tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch giao dịch Chứng Chỉ Quỹ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3.7. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại Đại Lý Phân Phối.
- Nhà Đầu Tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- Giá dịch vụ khi thực hiện giao dịch: xem mục giá dịch vụ và Lệ Phí dưới đây.
- Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

3.8. Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài

- Trước khi mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Nhà Đầu Tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.

- Nhà Đầu Tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Thông tư số 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài trên thị trường Chứng Khoán Việt Nam và Thông tư 05/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt nam phải thực hiện chuyển khoản từ chính Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Tài khoản FIIC) của Nhà đầu tư mở tại ngân hàng thương mại vào tài khoản của Quỹ đối với việc mua Chứng chỉ quỹ. Nhà Đầu Tư phải nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài Khoản FIIC cho Đại Lý Phân Phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài Tài Khoản FIIC sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà Đầu Tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua Chứng Chỉ Quỹ không được chuyển khoản từ Tài Khoản FIIC theo quy định của pháp luật.
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho Nhà Đầu Tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Thông tư số 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài trên thị trường Chứng Khoán Việt Nam.

4. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

4.1. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng

- Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ.
- Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ được xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát sẽ thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ Ngày Định Giá, Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được công bố trên các trang thông tin điện

từ của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định định kỳ và được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

4.2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ VNDAF được xác định vào các Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ VNDAF được xác định vào ngày cuối cùng của tháng.

Phương pháp xác định:

- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong Danh Mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- Giá Trị Tài Sản Ròng của một Đơn Vị Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- Phương pháp xác định cụ thể được quy định tại Phụ lục 5 - ‘Sổ tay định giá’ của Bản Cáo Bạch này do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật.

4.3. Công bố tình hình giao dịch

- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin về kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất và số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành hiện tại trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố và cập nhật hàng năm sau khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Nhà Đầu Tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính Công Ty Quản Lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất.

2. Giá dịch vụ, lệ phí và thưởng hoạt động

2.1. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả

a. Giá dịch vụ Phát Hành trong đợt IPO

- Là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO). Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu, cộng vào mệnh giá và tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ.
- Giá dịch vụ Phát Hành lần đầu của Quỹ VNDAF: 1% (trương đương với Giá Bán 10.100 VND/Đơn Vị Quỹ).

b. Giá dịch vụ Phát hành tại các lần giao dịch sau IPO :

- Là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ VNDAF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và tính theo tỷ lệ % trên số tiền đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ.
- Giá dịch vụ phát hành cho giao dịch mua thông thường: không quá 1% giá trị giao dịch (Xem thông báo của Công ty Quản lý quỹ để biết thêm chi tiết)

c. Giá dịch vụ Mua lại

- Là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải trả khi bán lại cho Quỹ một Đơn Vị Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ VNDAF được thành lập. Giá dịch vụ này được khấu trừ

khi thanh toán tiền bán Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện và đo lường bằng hiệu quả đầu tư mà nhà đầu tư có được do việc nắm giữ chứng chỉ quỹ.

- Giá dịch vụ mua lại không quá 1% giá trị bán được thực hiện và tùy thuộc thời gian nắm giữ Chứng Chỉ quỹ như sau :
 - o Thời gian nắm giữ dưới 3 tháng : 1% giá trị bán
 - o Thời gian nắm giữ từ 3 tháng đến 1 năm : 0,75% giá trị bán
 - o Thời gian nắm giữ từ 1 đến 2 năm : 0,5% giá trị bán
 - o Thời gian nắm giữ trên 2 năm : 0% giá trị bán

d. Giá dịch vụ Chuyển Đổi

- Là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ VNDAF sang một quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại các kỳ giao dịch tiếp theo sau khi Quỹ VNDAF được thành lập. Nhà Đầu Tư không phải trả giá dịch vụ Phát Hành và giá dịch vụ Mua Lại khi thực hiện chuyển đổi các loại Chứng Chỉ Quỹ.
- Giá dịch vụ Chuyển Đổi tại các lần giao dịch tiếp theo là: 0,2% tổng giá trị chuyển đổi thực hiện được của Quỹ bị chuyển đổi.

e. Giá dịch vụ Chuyển Nhượng

- Là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế...
- Giá dịch vụ Chuyển Nhượng là 200.000 VNĐ/ một lần chuyển nhượng.

g. Giá dịch vụ Phát Hành khi tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ

Sẽ công bố sau khi quỹ đi vào hoạt động

h. Việc thanh toán các khoản Giá dịch vụ:

Các khoản giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Phần thanh toán cho Đại Lý Phân Phối sẽ được tính trên Hợp Đồng Đại Lý Phân Phối được ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Quỹ sẽ chỉ thị thanh toán phần giá dịch vụ này cho Công ty Quản lý quỹ và Đại lý phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.

2.2. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả

a. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ

- Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ VNDAF. Giá dịch vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ VNDAF = 1,5% * NAV/năm.

Trường hợp điều chỉnh giá dịch vụ quản lý Quỹ giảm do Công ty Quản lý quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ quản lý Quỹ mới với Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp điều chỉnh giá giá dịch vụ quản lý Quỹ tăng do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

- Trong mọi trường hợp, giá dịch vụ Quản Lý Quỹ sẽ tuân thủ các mức tối đa theo quy định của pháp luật
- Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ Quản Lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ Quản Lý được xác định như sau:

Giá dịch vụ Quản Lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ Quản Lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

b. Giá dịch vụ Lưu Ký, Giám Sát

- Giá dịch vụ Lưu Ký, Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ Lưu Ký, Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- Giá dịch vụ Lưu Ký: 0,06%/năm trên NAV, tối thiểu 15.000.000 VNĐ/tháng (chưa gồm VAT)
- Giá dịch vụ Giám Sát: 0,02%/năm trên NAV, tối thiểu 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa gồm VAT)
- Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ giám sát tại Ngày giao dịch chứng khoán được quy định như sau nhưng mức giá dịch vụ tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch:
 - + Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch: 0,03% giá trị giao dịch
 - + Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết: 0,01% giá trị giao dịch
 - + Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác: Miễn phí
- Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD:
 - + Giá dịch vụ lưu ký: 0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng.
 - + Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch: 0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán với mức giá dịch vụ tối đa 500.000 đồng/lần/mã chứng khoán.
 - + Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ: Theo mức phát sinh cụ thể.

Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo quy định của Bộ tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ tài chính thay đổi mức giá dịch vụ thì quy định này sẽ thay đổi tương ứng.
- Tổng số giá dịch vụ lưu ký và giám sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Giá dịch vụ Đại Lý Chuyên Nhượng được trả cho Đại Lý Chuyên Nhượng cho Quỹ.
- Giá dịch vụ cố định: 10.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm VAT)
- Giá dịch vụ thực hiện quyền: 1.000.000 VNĐ/lần lập danh sách (khi có phát sinh thực hiện quyền).

d. Giá dịch vụ quản trị quỹ:

- Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị cho Quỹ.
- Giá dịch vụ quản trị quỹ: 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 15.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm VAT) .

e. Giá dịch vụ Đại lý phân phối

- Giá dịch vụ đại lý phân phối cho những đợt phát hành của Quỹ: 0,25%/giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ đại lý tiếp nhận lệnh bán chứng chỉ Quỹ: 0,05%/giá trị giao dịch thực hiện được.
- Giá dịch vụ đại lý chuyển đổi chứng chỉ Quỹ: 0,05%/giá trị giao dịch thực hiện được.

f. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều Lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
- Thuế, giá dịch vụ, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng

quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối sau khi các giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, đảm bảo tính chính xác.

3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

- Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau
 - ✓ Chi phí quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - ✓ Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát ;
 - ✓ Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
 - ✓ Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - ✓ Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
 - ✓ Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
 - ✓ Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 100% / Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm. Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm là Tổng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá chia cho số Ngày Định Giá chứng chỉ quỹ trong năm.

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = (Tổng chi phí hoạt động của quỹ x 365 x 100%) / (Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động) (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)

3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100% / 2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100% * 365 / (2x Giá trị tài sản ròng trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động)

4. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư nếu:

Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng đơn vị Quỹ.
- Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.
- Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi IPAAM cho việc phân chia lợi nhuận (“Ngày Chốt Danh Sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

- Phân chia cổ tức và tái đầu tư cổ tức: Khi Quỹ trả cổ tức bằng tiền, Nhà Đầu Tư có thể chọn nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chọn tái đầu tư cổ tức để mua thêm chứng chỉ quỹ. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn tái đầu tư cổ tức, lượng cổ tức này sẽ được dùng để mua chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch liền ngay sau ngày trả cổ tức tại mức giá phát hành của ngày giao dịch đó. Nhà Đầu Tư sẽ không phải trả giá dịch vụ phát hành khi tái đầu tư cổ tức để mua Chứng Chỉ Quỹ.
- Nhà Đầu Tư cần đăng ký rõ lựa chọn của mình trong Phiếu “Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” theo mẫu tại Phụ Lục 2 Bản Cáo Bạch này. Trường hợp Nhà Đầu Tư không nêu rõ lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư cổ tức sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ tự động áp dụng.
- Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - ✓ Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ);
 - ✓ Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - ✓ Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ);
 - ✓ Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - ✓ Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ sau khi phân chia.

5. Chính sách thuế:

Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ VNDAF.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản Cáo Bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ bao gồm:

- Báo cáo NAV: được công bố trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày Định Giá (Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ)
- Báo cáo hoạt động quỹ: được thực hiện định kỳ theo quy định của pháp luật

Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, và cung cấp cho Nhà Đầu Tư tại văn phòng Công Ty Quản Lý Quỹ và tại các Đại Lý Phân Phối chỉ định.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa Quỹ VNDAF và các quỹ ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ VNDAF và Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ sở hữu, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Điều Hành, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được thiết lập để giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối;

hoặc

- Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm sẽ gửi Nhà Đầu Tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, và báo cáo về thay đổi Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu quỹ gồm Bản Cáo Bạch, báo cáo tài chính của Quỹ, báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ, báo cáo thống kê về giá dịch vụ trong hoạt động đầu tư của Quỹ, báo cáo về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật. Các tài liệu này được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản cho quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà Đầu Tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của IPAAM hoặc các Đại Lý Phân Phối trong giờ làm việc.

IPAAM và Đại lý phân phối sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà Đầu Tư qua số điện thoại (84-4) 1900-5454-09 hoặc gửi email tới địa chỉ support@vndirect.com.vn

XV. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản Cáo Bạch này.

XVI PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1 : Quy trình và hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ
2. Phụ lục 2 : Mẫu phiếu giao dịch Chứng chỉ quỹ
3. Phụ lục 3 : Danh sách Đại lý phân phối và điểm nhận lệnh
4. Phụ lục 4 : Tóm tắt Điều lệ quỹ
5. Phụ lục 5 : Sổ tay định giá
6. Phụ lục 6: Hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ cho quỹ

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ IPA

Đỗ Thanh Hương

PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu (IPO)

Bước 1: Nhà Đầu Tư đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ bằng cách điền vào “Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” theo mẫu tại Phụ lục 2 và nộp cho Đại Lý Phân Phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của Đại Lý Phân Phối.

Bước 2: Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Số tài khoản của Quỹ sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu Tư bởi Đại Lý Phân Phối và điền vào Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ theo mẫu tại Phụ Lục 2 và nộp phiếu cho Đại Lý Phân Phối.

Bước 3: Đại Lý Phân Phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên “Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” và “Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ”, và có thể yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

Bước 4: Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà Đầu Tư sau khi Quỹ nhận Giấy Phép Hoạt Động từ Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các lần giao dịch tiếp theo

Bước 1: Mở tài khoản

Đối với Nhà Đầu Tư lần đầu thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập, Nhà Đầu Tư đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ bằng cách điền vào “Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở” theo mẫu tại Phụ Lục 2 và nộp cho Đại Lý Phân Phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của Đại Lý Phân Phối.

Bước 2: Nộp tiền đối với lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ

Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Số tài khoản của Quỹ sẽ được Đại Lý Phân Phối cung cấp cho Nhà Đầu Tư.

Bước 3: Đăng ký giao dịch

Nhà Đầu Tư điền thông tin vào Phiếu Đăng Ký Mua/Bán/Chuyển Đổi/Chuyển Nhượng Chứng Chỉ Quỹ, đăng ký tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ, hủy lệnh, thay đổi thông tin bằng cách điền vào các phiếu tương ứng theo mẫu tại Phụ Lục và nộp cho Đại Lý Phân Phối.

Bước 4: Đại Lý Phân Phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên phiếu lệnh, và có thể yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

Bước 5: Đại Lý Phân Phối chuyển thông tin về lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Đại Lý Chuyển Nhượng.

Bước 6: Đại Lý Chuyển Nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư đối với các lệnh hợp lệ.

Bước 7: Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà Đầu Tư trong vòng một (01) ngày kể từ Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ.

Bước 8: Thanh toán tiền bán đối với lệnh bán.

Tiền bán chứng khoán sẽ được thanh toán vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày sau Ngày Giao Dịch.

PHỤ LỤC 2: MẪU GIẤY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

- Mẫu Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở.
- Mẫu Giấy đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ mở.
- Mẫu Giấy đăng ký bán Chứng Chỉ Quỹ mở.
- Mẫu Giấy đăng ký hủy giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở.
- Mẫu Giấy thay đổi chi tiết đăng ký Nhà Đầu Tư.
- Thỏa thuận Chương trình Đầu Tư Định Kỳ.

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ VNDAF

Chứng Chỉ Quỹ VNDAF được phân phối tại các Điểm Nhận Lệnh dưới đây của Đại Lý Phân Phối là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

1. Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84- 24) 3 9724568

Fax: (84- 24) 3 9724600

2. Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84- 28) 7300 0688

Fax: (84- 28) 3914 6924

Email: support@vndirect.com.vn

PHỤ LỤC 4: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều Lệ Quỹ Đầu Tư Chủ Động VND gồm 13 chương, 64 điều và 05 phụ lục. Điều Lệ Quỹ gồm những nội dung chính sau:

Chương I: Quy định chung

Chương này gồm bảy (07) điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời hạn hoạt động của Quỹ, nguyên tắc hoạt động của Quỹ, tổng vốn huy động tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam) và sẽ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam), người được đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ, các thông tin về Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.

Chương II: Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 8 đến Điều 12, quy định mục tiêu, chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ, phương pháp lựa chọn đầu tư.

Chương III: Nhà Đầu Tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

Chương này gồm tám (08) điều, từ Điều 13 đến Điều 20, quy định về Nhà Đầu Tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và các quy định về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại, chuyển nhượng phi thương mại Chứng Chỉ Quỹ.

Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà Đầu Tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư pháp nhân ký.

Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 14 Điều Lệ Quỹ:

1. Nhà đầu tư có quyền:

- a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ ;
 - b. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
 - c. Thực hiện quyền quy định tại Điều 22 Điều lệ này thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - d. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
- a. Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
 - b. Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
 - c. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ Quỹ .

Quy định về Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 15 Điều Lệ Quỹ:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý Sổ Đăng ký nhà đầu tư Chính (“Sổ chính”) và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (“Sổ Phụ”) để xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.
2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ.
 - b. Thông tin về Nhà đầu tư bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);
 - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó.
 - c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài;
 - d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật trong Sổ chính.

Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Chương này gồm bốn (04) điều, từ Điều 21 đến Điều 24, quy định các nội dung liên quan đến Đại Hội Nhà Đầu Tư, quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, điều kiện và trình tự phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 21 Điều Lệ Quỹ bao gồm các nội dung sau:

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà đầu tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày làm việc trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm sẽ được tổ chức trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Báo cáo tài chính năm của Quỹ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán. Việc họp Đại hội nhà đầu tư hàng năm có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ nếu không liên quan đến một trong những nội dung quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều lệ Quỹ.
3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ.
 - b. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hay nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất 6 tháng liên tục tính đến thời điểm triệu tập đại hội.
4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều lệ Quỹ, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản thay vì tổ chức họp.

Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 22 Điều Lệ Quỹ:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận
2. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ
3. Tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát
4. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ
5. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ, tách quỹ
6. Giải thể quỹ
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ
8. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ
9. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư
10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
11. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định một số vấn đề nếu luật cho phép và nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại điều 23 Điều Lệ Quỹ:

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất 10 ngày trước khi tiến hành đại hội.
2. Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư:
 - a. Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách bố trí các Nhà đầu tư hoặc đại diện được ủy quyền của họ muốn tham gia tại các địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội. Địa điểm chính của Đại hội được ghi trên thông báo mời họp và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó.

- b. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Chủ tọa Đại hội Nhà đầu tư điều hành cuộc họp theo Chương trình họp đã được thông báo đến các Nhà đầu tư.
3. Nhà đầu tư được coi là tham dự vào biểu quyết tại Đại hội trong các trường hợp sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
5. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này Đại hội nhà đầu tư được tiến hành họp không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
6. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
7. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, biểu quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Theo yêu cầu của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất.
8. Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành
9. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Điều lệ Quỹ, quyết định tại Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi năm phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.
10. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
11. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp.

12. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, Nhà đầu tư có trên một phiếu bầu sẽ không cần phải bỏ tất cả các lá phiếu với kết quả giống nhau. Quyền biểu quyết bằng việc bỏ các lá phiếu không theo kết quả giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng việc giơ tay.
13. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, BDDQ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.

Chương V: Ban Đại diện Quỹ

Chương này gồm sáu (06) Điều, từ Điều 25 đến Điều 30, quy định các nội dung cơ bản về Ban Đại diện Quỹ, bao gồm: số lượng thành viên Ban Đại Diện Quỹ, cơ cấu, thành phần Ban Đại Diện Quỹ; Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ; Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ, Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ; Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ; Hợp Ban Đại Diện Quỹ.

Theo đó, Ban Đại diện Quỹ có tối thiểu ba (03) thành viên và tối đa là mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c. Có chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật.

Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 27 Điều Lệ Quỹ, bao gồm:

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm

quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch.

3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề mâu thuẫn giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp luật;
4. Quyết định các vấn đề phù hợp với Điều 22 của Điều Lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
5. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của BDDQ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) Ngày Làm Việc, kể từ ngày BDDQ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 của Điều này;
7. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác.

Quy định về Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 28 Điều Lệ Quỹ:

1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, sẽ có các quyền và nhiệm vụ:
 - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - b. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
 - c. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ Tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch. Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Việc đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 29 Điều Lệ Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- a. Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Họp Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 30 Điều Lệ Quỹ

1. Chủ Tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên tham dự và 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên độc lập thông qua.

5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ Tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI: Công Ty Quản Lý Quỹ

Chương này gồm bốn (04) điều, từ Điều 31 đến Điều 34, quy định các nội dung về Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ; Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ; Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ; Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 31 Điều Lệ Quỹ như sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 32 Điều Lệ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:
 - a. Nhận giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều Lệ này;
 - b. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
 - c. Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
 - d. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
 - e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và Pháp Luật.
 - f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a. Luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và Ban Quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và

không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

- b. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
- c. Thực hiện hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật này, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, hợp đồng ký với khách hàng uỷ thác đầu tư và hợp đồng ký với ngân hàng giám sát
- d. Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này.
- e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 33 Điều Lệ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - b. Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
 - c. Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 của Điều Lệ Quỹ. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
3. Thời hạn thông báo về việc chấm dứt sẽ là 6 (sáu) tháng, hoặc một thời hạn cụ thể khác theo yêu cầu của Pháp Luật.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền (ngoài các khoản khoản tiền dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công ty quản lý Quỹ
3%/NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%/NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ tại Điều 34 Điều Lệ Quỹ:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định của tại Điều Lệ Quỹ.
3. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
4. Trong quá trình kinh doanh, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoại trừ (các) khoản tiền dịch vụ và thưởng như quy định trong Bản Cáo Bạch của Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - a. Sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ;
 - b. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - c. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà

thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

- d. Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- e. Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát

Chương này gồm bốn (04) điều, từ Điều 35 đến Điều 38, quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát; Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát; Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát; Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát.

Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 35 Điều Lệ Quỹ như sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục của Điều Lệ này.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 35 Điều Lệ Quỹ:

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát
 - a. Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư trong việc giám sát, quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ bao gồm cả trường hợp Ngân Hàng Giám sát ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.

- b. Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký cho các tài sản của Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
 - c. Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
 - d. Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chỉ thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc từ chối các chỉ thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời gửi bản sao văn bản này này đến UBCKNN để biết.
 - e. Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà đầu tư khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - f. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát
- a. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
 - b. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
 - c. Được quyền nhận giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 37 Điều Lệ Quỹ

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
 - a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - b. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt

động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho BDDQ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
7. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 38 Điều Lệ Quỹ:

- a. Ngân Hàng Giám Sát giải thể phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
- b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
- c. Quỹ bị giải thể;

- d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.

Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 39 đến Điều 43, quy định về các hoạt động được ủy quyền; Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền và việc chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Chương IX: Đại Lý Phân Phối

Chương này gồm ba (03) điều, từ Điều 44 đến Điều 46, quy định về Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ; Hoạt động của Đại Lý Phân Phối; Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ bao gồm:

- Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
- Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
- Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu

cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Chương X: Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Chương này bao gồm 5 (05) điều, từ Điều 47 đến Điều 51, quy định về Chế độ kế toán; lựa chọn Công ty kiểm toán; Năm tài chính; Báo cáo tài chính và Báo cáo khác.

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng.

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

Năm tài chính là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới 3 (ba) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Chương XI: Giá trị Tài sản ròng (NAV) của Quỹ

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 52 đến Điều 56, quy định các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ, Nội dung của Chương này đã được nêu tại mục X của Bản Cáo Bạch này.

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí của Quỹ

Chương này gồm hai (02) điều, từ Điều 57 đến Điều 58, quy định nguyên tắc, hình thức phân chia lợi nhuận và các chi phí quản lý của Quỹ.

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công Ty

Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp nhận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ).

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền mặt và bằng Chứng chỉ quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

Chương XIII: Các quy định khác

Chương này gồm sáu (06) điều, từ Điều 59 đến Điều 64, quy định về các điều kiện để tái cơ cấu Quỹ; Điều kiện giải thể Quỹ; Kiểm soát xung đột lợi ích; Thông báo và công bố thông tin; Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ; và hiệu lực của Điều Lệ.

Các điều kiện để tái cơ cấu Quỹ được quy định tại Điều 59 Điều Lệ Quỹ:

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật theo quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán chấp nhận.

Điều kiện giải thể Quỹ được quy định tại Điều 60 Điều Lệ Quỹ:

1. Việc thanh lý và giải thể được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
 - d. Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - e. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới ba mươi (10) tỷ liên tục trong sáu (6) tháng;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.

Điều Lệ Quỹ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.

Ngoài ra, Điều Lệ Quỹ có 05 Phụ lục:

Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 4: Sổ tay định giá

Phụ lục số 5: Giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ ủy quyền

PHỤ LỤC 5: SỔ TAY ĐỊNH GIÁ

PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"> - Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại

		Diện Quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba

		(03) tháng tính đến Ngày Định Giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/ Bloomberg/ VNBF...) để tham khảo.

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:
 - o Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - o Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

	chọn mua)	
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

PHỤ LỤC 6: HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ